

Số: 361/2022/TB-CSM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 09 năm 2022

## **THÔNG BÁO MỜI CHÀO GIÁ CẠNH TRANH**

*V/v Bán thanh lý 11 lô lốp ô tô kém phẩm chất.*

Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam cần bán thanh lý 11 lô lốp ô tô kém phẩm chất. Cụ thể như sau:

1. Sản phẩm thanh lý: 11 lô lốp ô tô kém phẩm chất (theo danh mục đính kèm thông báo). Lốp đã được xử lý theo quy định thanh lý (mài chữ trên hông lốp) và không bảo hành.
2. Địa điểm tập kết và chào bán:
  - Xí nghiệp Bình Dương – Khu phố 7, P. Uyên Hưng, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.
  - Xí nghiệp Lốp Radial – Khu phố 7, P. Uyên Hưng, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.
  - Xí nghiệp Đồng Nai – KCN Biên Hòa 1, Đường số 11, Phường An Bình, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
3. Thời gian khảo sát: Từ 8 giờ 30 – 15 giờ, từ ngày ra thông báo đến 07/10/2022 (trừ thứ 7, chủ nhật).
4. Thời gian phát hành chào giá: Từ ngày ra thông báo đến 15 giờ, ngày 07/10/2022 (trừ thứ 7, chủ nhật).
5. Thời hạn nộp chào giá, hồ sơ dự thầu, đặt cọc (theo mẫu đính kèm thông báo): Từ ngày ra thông báo đến 15 giờ, ngày 07/10/2022 (trừ thứ 7, chủ nhật).
6. Địa điểm phát hành, nộp chào giá: Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam, số 146 Nguyễn Biểu, P.2, Q.5, Tp. Hồ Chí Minh. Người liên hệ: Bà Nguyễn Thị Thi Thi – Phòng kế toán, số điện thoại: 38.362.369 (nhánh 219).
7. Hình thức đấu giá: đấu giá từng lô, có thể tham gia đấu giá nhiều lô.
8. Thời gian mở chào giá: 10 giờ, ngày 10/10/2022.
9. Địa điểm mở chào giá: Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam, số 146 Nguyễn Biểu, P.2, Q.5, Tp. Hồ Chí Minh.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**





# QUY ĐỊNH

## CHÀO GIÁ CẠNH TRANH 11 LÔ LỚP Ô TÔ KÉM PHẨM CHẤT

(Sau đây gọi tắt là “Quy định”)

### Điều 1: Thông tin về sản phẩm thanh lý, thời gian thu mua và thanh toán.

- Sản phẩm thanh lý: 11 lô lớp ô tô kém phẩm chất (theo danh mục đính kèm). Lớp đã được xử lý theo quy định thanh lý (mài chữ trên hông lớp) và không bảo hành.
- Địa điểm nhận hàng:
  - Xí nghiệp Bình Dương – Khu phố 7, P. Uyên Hưng, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.
  - Xí nghiệp Lớp Radial – Khu phố 7, P. Uyên Hưng, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.
  - Xí nghiệp Đồng Nai – KCN Biên Hòa 1, Đường số 11, Phường An Bình, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
- Thời gian khảo sát: Từ 8 giờ 30 – 15 giờ, từ ngày ra thông báo đến 07/10/2022 (trừ thứ 7, chủ nhật).
- Thời gian được quyền thu mua: Kể từ ngày trúng thầu (10/10/2022).
- Thời gian vận chuyển: Tổ chức/ Cá nhân trúng thầu lập lịch vận chuyển và gửi đến Casumina (Ban thanh lý) để cùng thực hiện.
- Chi phí vận chuyển: Tổ chức/ Cá nhân trúng thầu chịu chi phí.
- Thời gian thanh toán: Tổ chức/ Cá nhân trúng thầu tiến hành thanh toán giá trị lô hàng 01 ngày sau khi ký hợp đồng.
- Giá khởi điểm (chưa bao gồm thuế VAT 8%):

| STT   | Sản phẩm thanh lý          | Số lượng (chiếc) | Giá khởi điểm (đồng) | Địa điểm      |
|-------|----------------------------|------------------|----------------------|---------------|
| Lô 01 | Lớp toàn thép R16          | 1.238            | 1.200.000.000        | XN Lớp Radial |
| Lô 02 | Lớp toàn thép 9.00 R20     | 69               | 150.000.000          | XN Lớp Radial |
| Lô 03 | Lớp toàn thép 11.00 R20    | 14               | 40.000.000           | XN Lớp Radial |
| Lô 04 | Lớp toàn thép 12.00 R20    | 102              | 380.000.000          | XN Lớp Radial |
| Lô 05 | Lớp toàn thép 385/65 R22.5 | 50               | 166.000.000          | XN Lớp Radial |
| Lô 06 | Lớp toàn thép R22.5 khác   | 384              | 960.000.000          | XN Lớp Radial |
| Lô 07 | Lớp toàn thép R24          | 412              | 1.590.000.000        | XN Lớp Radial |
| Lô 08 | Lớp toàn thép khác         | 161              | 200.000.000          | XN Bình Dương |
| Lô 09 | Lớp toàn thép & bán thép   | 736              | 802.000.000          | XN Bình Dương |
| Lô 10 | Lớp bias XN Bình Dương     | 185              | 253.000.000          | XN Bình Dương |
| Lô 11 | Lớp bias XN Đồng Nai       | 544              | 139.000.000          | XN Đồng Nai   |

- Giá mua: Là giá của các Tổ chức/ Cá nhân chào giá được ghi trong “Phiếu đăng lý đấu giá”.  
Giá mua của Tổ chức/ Cá nhân thấp hơn giá khởi điểm sẽ được xem là không hợp lệ và không được xem xét. Giá mua chưa bao gồm thuế VAT (8%).
- Hình thức đấu giá: đấu giá từng lô, có thể tham gia đấu giá nhiều lô. *ng*



## **Điều 2: Nguyên tắc đấu giá**

1. Việc đấu giá cạnh tranh được thực hiện theo nguyên tắc công khai, minh bạch, bảo vệ quyền lợi bình đẳng, hợp pháp của các bên tham gia.
2. Đấu giá từng lô, có thể tham gia đấu giá nhiều lô.
3. Sau khi Công ty xem xét giá mua của các tổ chức, cá nhân. Công ty sẽ mời các tổ chức hoặc cá nhân có mức giá mua cao nhất, hợp lệ để ký hợp đồng bán sản phẩm thanh lý. Hợp đồng này có giá trị xác nhận việc mua sản phẩm thanh lý và là cơ sở pháp lý để chuyển quyền sở hữu sản phẩm thanh lý.

## **Điều 3: Người tham gia đấu giá**

Người tham gia đấu giá: Bao gồm tất cả các Tổ chức/ Cá nhân có nhu cầu tham gia đáp ứng các điều kiện sau:

- Tự nguyện nộp phiếu đăng ký mua sản phẩm thanh lý mẫu của Công ty kèm theo quy định có đóng dấu treo của Công ty.
- Chấp hành các điều của quy định.
- Có năng lực hành vi dân sự và không thuộc trường hợp không được đăng ký mua.
- Những người không được đăng ký mua:
- Tổ chức/ Cá nhân đang chấp hành thi hành án hoặc đang trong quá trình điều tra của cơ quan Pháp luật Việt Nam.
- Người đại diện Tổ chức hoặc cá nhân không có năng lực hành vi dân sự, người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự theo quy định của Bộ luật dân sự hoặc người tại thời điểm tổ chức đấu giá không nhận thức, làm chủ được hành vi của bản thân.
- Những người được phân công nhiệm vụ theo quyết định thành lập Ban thanh lý của Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam và Cha, Mẹ, Vợ (hoặc Chồng), Con của người đó.

## **Điều 4: Quy định về hồ sơ đăng ký tham gia**

Khi đã công bố thông tin về thời gian nhận hồ sơ và thời gian tổ chức bán đấu giá, Tổ chức/ Cá nhân có nhu cầu liên hệ: Bà **Nguyễn Thị Thi Thi** – Phòng kế toán Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam. Địa chỉ: 146 Nguyễn Biểu, P.2, Q.5, Tp. Hồ Chí Minh. Điện thoại: 38.362.369 (nhánh 219), để nộp hồ sơ đăng ký tham gia (hạn cuối là 15 giờ, ngày 07/10/2022). Hồ sơ đăng ký tham gia bao gồm:

1. Người đại diện tổ chức theo pháp luật (đối với tổ chức) hay cá nhân ký, nộp phiếu đăng ký đấu giá mua phế phẩm, phế liệu với đầy đủ thông tin theo mẫu do Công ty phát hành.
2. Bản sao có chứng thực của cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền (trong vòng 3 tháng) hoặc bản sao có kèm theo bản chính để đối chiếu các giấy tờ sau đây: CCCD (hoặc Hộ chiếu) còn hiệu lực pháp lý đối với cá nhân. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (trường hợp ủy quyền sẽ kèm theo giấy ủy quyền).
3. Trường hợp người tham gia đấu giá không thể tham gia trực tiếp phiên đấu giá thì thực hiện ủy quyền theo quy định pháp luật (đối với tổ chức do người đại diện theo pháp luật ký ủy quyền, đối với cá nhân phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân Xã, Phường, Thị trấn nơi cư trú). *Nguyễn Thị Thi Thi*



4. Trường hợp người tham gia đấu giá đã gửi hồ sơ đăng ký tham gia nhưng không có mặt trực tiếp tham gia vào ngày tổ chức đấu giá và không thực hiện ủy quyền theo quy định tại Khoản 4, Điều 4 thì phải chấp nhận toàn bộ kết quả của phiên đấu giá.
5. Thanh toán tiền đặt cọc theo quy định.

#### **Điều 5: Tiền đặt cọc**

1. Tổ chức/ Cá nhân tham gia đấu giá phải đặt cọc trước số tiền là 10% giá trị từng lô hàng tham gia đấu giá bằng tiền mặt tại Phòng thủ quỹ, Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam.
2. Tiền đặt cọc của người tham gia đấu giá chỉ giải quyết trả lại trong thời hạn nhận hồ sơ theo quy định. Quá thời hạn trên, mọi trường hợp xin rút lại tiền cọc sẽ không được giải quyết.
3. Số tiền đặt cọc được xử lý như sau:
  - Tổ chức/cá nhân tham gia đấu giá có giá mua cao nhất, được tuyên bố thắng đấu giá: Tiền cọc sẽ trừ vào giá mua.
  - Tổ chức/cá nhân tham gia đấu giá có giá mua thấp, không được tuyên bố thắng đấu giá: Tiền cọc sẽ được trả lại sau 1 ngày làm việc (tại Phòng thủ Quỹ, Văn phòng Công ty, 146 Nguyễn Biểu, P.2, Q.5, Tp. Hồ Chí Minh).
  - Tổ chức/cá nhân tự ý bỏ đấu giá hoặc vi phạm 1 trong các quy định tại điều 7, không được hoàn trả lại tiền đặt cọc.

#### **Điều 6: Cách thức trả giá mua**

1. Đấu giá từng lô, có thể tham gia đấu thầu nhiều lô.
2. Giá mua hợp lệ không được thấp hơn giá khởi điểm.
3. Hình thức trả giá mua: Đấu giá bằng hình thức bỏ phiếu.
4. Người tham gia đấu giá chỉ được tham gia bằng 1 bộ hồ sơ đăng ký mua và bỏ phiếu đấu giá (theo mẫu của Công ty) vào phong bì, niêm phong kín (tự bảo mật thông tin), gửi đến Ông Bùi Minh Mẫn (Chuyên viên Phòng KH-ĐT-CN, Thư ký Ban thanh lý Công ty cổ phần CNCS Miền Nam). Thời hạn gửi hồ sơ đăng ký mua và phiếu đấu giá theo quy định tại Điều 4.
5. Hội đồng đấu giá sẽ công bố giá mua ngay trong phiên đấu giá. Tổ chức/ Cá nhân có giá mua cao nhất, hợp lệ và đáp ứng các điều kiện của Công ty (theo quy định này) là người được chọn mua sản phẩm thanh lý.
6. Trong trường hợp có hai Tổ chức/ Cá nhân trở lên có cùng mức giá mua cao nhất, Hội đồng đấu giá sẽ ưu tiên chọn Tổ chức/ Cá nhân nộp hồ sơ trước (bao gồm cả tiền đặt cọc).
7. Trong trường hợp người tham gia phiên đấu giá có giá mua cao nhất, được Hội đồng bán đấu giá chấp thuận nhưng không mua. Người tham gia phiên đấu giá có mức giá cao thứ hai liên kế sẽ là người được chọn mua sản phẩm thanh lý. Nếu người có mức giá cao thứ hai liên kế không mua, xem như đấu giá không thành công.
8. Rút lại giá mua đã đăng ký tham gia đấu giá: Người tham gia đấu giá có hành động rút lại giá mua đã đăng ký đấu giá trước khi người điều hành phiên đấu giá của Hội đồng đấu giá công bố người được mua phế phẩm, phế liệu thì phiên đấu giá vẫn tiếp tục được thực hiện. Người tham gia đấu giá nhưng rút lại giá mua sẽ không được tiếp tục tham gia đấu giá và không được hoàn trả lại tiền đặt cọc. *Đu*



9. Trong trường hợp đã hết thời hạn đăng ký tham gia quy định theo Điều 4, nhưng chỉ có một Tổ chức/ Cá nhân đăng ký tham gia đấu giá thì sản phẩm thanh lý sẽ được bán cho Tổ chức/ Cá nhân đó (nếu Ban xem xét giá đồng ý).

#### **Điều 7: Xử lý vi phạm**

Công ty Casumina sẽ không hoàn trả tiền đặt cọc cho tổ Tổ chức/ Cá nhân tham gia đấu giá, nếu vi phạm một trong các trường hợp sau đây:

- Đề xuất giá mua dưới mức giá khởi điểm tại thời điểm tham gia.
- Rút lại giá mua đã đăng ký đấu giá.
- Được chấp thuận mua nhưng từ chối mua trong bất kỳ trường hợp nào theo quy định.
- Tham gia phiên đấu giá nhưng không đề xuất giá mua.
- Xin rút hồ sơ hoặc không tham gia sau ngày kết thúc nhận hồ sơ đăng ký mua đã được thông báo.
- Đánh cắp thông tin của người mua khác hoặc tự do phát ngôn làm lộ thông tin về giá trong thời điểm nộp hồ sơ đăng ký đấu giá.
- Vi phạm các Điều/Khoản trong quy định hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật liên quan.
- Số tiền đặt cọc của Tổ chức/ Cá nhân tham gia đấu giá vi phạm quy định được xem là nguồn thu của Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam và được sử dụng theo quy định hiện hành.

#### **Điều 8: Điều kiện và thời gian thanh toán**

1. Tổ chức/ Cá nhân được lựa chọn mua phải đến Văn Phòng Công ty Casumina trong thời hạn tối đa 3 ngày làm việc để được hướng dẫn các thủ tục ký hợp đồng mua – bán sản phẩm thanh lý. Quá thời hạn trên, xem như người mua từ chối mua. Số tiền đặt cọc sẽ thuộc vào nguồn thu của Công ty.
2. Tổ chức/ Cá nhân được lựa chọn mua tiến hành thanh toán tiền 01 ngày sau khi ký hợp đồng. Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam chịu trách nhiệm xuất hóa đơn GTGT và thực hiện các thủ tục liên quan đến xuất bán sản phẩm thanh lý.

#### **Điều 9: Tổ chức thực hiện**

1. Mọi khiếu nại và tranh chấp liên quan được giải quyết theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Hội đồng bán đấu giá Công ty (Được quy định trong quyết định 591/QĐ-TGĐ, do Tổng giám đốc Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam ký ban hành ngày 14/10/2019) và những Tổ chức/ Cá nhân tham gia chào giá cạnh tranh có trách nhiệm thực hiện quy định trên. *vlz*

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



*Phạm Hồng Phú*



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**



**PHIẾU ĐẶT CỌC  
CHÀO GIÁ CẠNH TRANH 11 LÔ LỚP ÔTÔ KÉM PHẨM CHẤT**

**Kính gửi:** Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam

Tên tổ chức/cá nhân: .....

Số CCCD/ Hộ chiếu/ Mã số doanh nghiệp: .....

Ngày cấp: ..... Tại: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: ..... Fax: .....

Số tài khoản: ..... Tại ngân hàng: .....

Sau khi xem thông báo số: ...../2022/TB-CSM, ban hành ngày ...../...../2022 và quy định chào giá cạnh tranh 11 lô lớp ô tô kém phẩm chất do Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam ký. Tôi/Chúng tôi tự nguyện tham gia và thực hiện nghiêm túc các quy định của Công đã thông báo như sau:

1. Đặt cọc trước số tiền: .....VNĐ (Bằng chữ: .....)

Số tiền đặt cọc trên sẽ không được hoàn trả lại nếu Tôi/Chúng tôi đã đăng ký mua sản phẩm thanh lý nhưng tự ý bỏ cuộc hoặc vi phạm một trong các nội dung theo quy định của Công ty đã ban hành.

2. Tôi/Chúng tôi chấp thuận Công ty sẽ lựa chọn người trả Giá mua cao nhất và hợp lệ để bán sản phẩm thanh lý.

Tôi/ Chúng tôi đăng ký mua sản phẩm thanh lý như đã được thông báo từ Công ty và cam kết trả giá ít nhất bằng giá khởi điểm. Tiến hành thanh toán đủ số tiền mua sản phẩm thanh lý theo quy định và thực hiện đầy đủ các các nghĩa vụ liên quan theo quy định của Pháp luật Việt Nam.

**Tp. Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm 2022.  
NGƯỜI CHÀO GIÁ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**



## THƯ CHÀO GIÁ MUA HÀNG CHÀO GIÁ CẠNH TRANH 11 LÔ LỚP ÔTÔ KÉM PHẨM CHẤT

**Kính gửi:** Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam

Tên Tổ chức/ Cá nhân chào giá: .....

Số CCCD/ Hộ chiếu/ Mã số doanh nghiệp: .....

Ngày cấp: ..... Tại: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: ..... Fax: .....

Sau khi nhận được thông tin mời chào giá từ Quý Công ty về việc thanh lý 11 lô lớp ô tô kém phẩm chất. Tôi/ Chúng tôi đã tiến hành khảo sát hiện trạng, kiểm tra số lượng hàng hóa. Tôi/ Chúng tôi đồng ý với các điều kiện, điều khoản trong Thông báo mời chào giá cạnh tranh mà Casumina đã cung cấp. Nay Tôi/ Chúng tôi gửi đến Quý Công ty chào giá thu mua như sau:

| STT   | Tên sản phẩm thanh lý      | Số lượng<br>(chiếc) | Giá khởi điểm<br>(VND) | Giá chào mua<br>(VND) |
|-------|----------------------------|---------------------|------------------------|-----------------------|
| Lô 01 | Lớp toàn thép R16          | 1.238               | 1.200.000.000          |                       |
| Lô 02 | Lớp toàn thép 9.00 R20     | 69                  | 150.000.000            |                       |
| Lô 03 | Lớp toàn thép 11.00 R20    | 14                  | 40.000.000             |                       |
| Lô 04 | Lớp toàn thép 12.00 R20    | 102                 | 380.000.000            |                       |
| Lô 05 | Lớp toàn thép 385/65 R22.5 | 50                  | 166.000.000            |                       |
| Lô 06 | Lớp toàn thép R22.5 khác   | 384                 | 960.000.000            |                       |
| Lô 07 | Lớp toàn thép R24          | 412                 | 1.590.000000           |                       |
| Lô 08 | Lớp toàn thép khác         | 161                 | 200.000.000            |                       |
| Lô 09 | Lớp toàn thép & bán thép   | 736                 | 802.000.000            |                       |
| Lô 10 | Lớp bias XN Bình Dương     | 185                 | 253.000000             |                       |
| Lô 11 | Lớp bias XN Đồng Nai       | 544                 | 139.000.000            |                       |



**GHI CHÚ:**

- Giá chào mua là giá cố định và không thay đổi trong mọi trường hợp.
- Giá chào mua chưa bao gồm thuế VAT (8% - Tổ chức/ Cá nhân trúng thầu phải nộp).
- Nhà thầu có thể tham gia đấu giá một hoặc nhiều lô.

**Tp. Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm 2022.**

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ THAM GIA ĐẤU GIÁ**

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)

**Ghi chú:** *Phiếu phát hành bởi Công ty cổ phần CNCS Miền nam (đóng dấu treo). Phiếu phải bỏ vào bao thư và niêm phong. Gởi đến Công ty trước ngày mở thầu theo quy định.*





## PHỤ LỤC LỚP Ô TÔ KÉM PHẨM CHẤT XÍ NGHIỆP LỚP RADIAL

| STT | TÊN SẢN PHẨM                                            | Số lượng<br>(Cái) | Giá khởi điểm<br>(Đồng) |
|-----|---------------------------------------------------------|-------------------|-------------------------|
|     | <b>LÔ 1</b>                                             | <b>1,238</b>      | <b>1,200,000,000</b>    |
| 1   | Lốp 7.00 R16 12PR CA604C TT 116/114L GS612 RBD (2016)   | 140               |                         |
| 2   | Lốp 7.00 R16 14PR CA604C TL 118/114L GS612 RBD (2015)   | 4                 |                         |
| 3   | Lốp 7.00 R16 14PR CA604C TL 118/114L GS612 RBD (2016)   | 381               |                         |
| 4   | Lốp 7.00 R16 14PR CA604C TT 118/114L GS612 RBD          | 3                 |                         |
| 5   | Lốp 7.00 R16 14PR CA604C TT 118/114L GS612 RBD (HC)     | 124               |                         |
| 6   | Lốp 7.00 R16 14PR CA604C TT 118/114L GS612 RBD (2016)   | 583               |                         |
| 7   | Lốp 8.25 R16 16PR CA603A TT 128/124K BS631 RBD (2015)   | 3                 |                         |
|     | <b>LÔ 2</b>                                             | <b>69</b>         | <b>150,000,000</b>      |
| 1   | Lốp 9.00 R20 16PR CA604E TT 144/142L GS614 RBD (2016)   | 64                |                         |
| 2   | Lốp 9.00 R20 16PR CA662C TT 144/142K BS663 RBD (2015)   | 2                 |                         |
| 3   | Lốp 9.00 R20 16PR CA662C TT 144/142K BS663 RBD (2016)   | 3                 |                         |
|     | <b>LÔ 3</b>                                             | <b>14</b>         | <b>40,000,000</b>       |
| 1   | Lốp 11.00 R20 18PR CA662C TT 152/149K BS663 RBD (2015)  | 7                 |                         |
| 2   | Lốp 11.00 R20 18PR CA662C TT 152/149K BS663 RBD (2016)  | 7                 |                         |
|     | <b>LÔ 4</b>                                             | <b>102</b>        | <b>380,000,000</b>      |
| 1   | Lốp 12.00 R20 20PR CA613B TT 157/153F RS693 RBD         | 98                |                         |
| 2   | Lốp 12.00 R20 20PR CA613A TT 157/153F RS692 RBD         | 1                 |                         |
| 3   | Lốp 12.00 R20 20PR CA663B TT 157/153F RS691 RBD         | 3                 |                         |
|     | <b>LÔ 5</b>                                             | <b>50</b>         | <b>166,000,000</b>      |
| 1   | Lốp 385/65 R22.5 20PR CA662B TL 160K BS662 RBD          | 27                |                         |
| 2   | Lốp 385/65 R22.5 20PR XD SS1 TL 160K Xceed RBD          | 3                 |                         |
| 3   | Lốp 385/65 R22.5 20PR CA662B TL 160K BS662 RBD          | 20                |                         |
|     | <b>LÔ 6</b>                                             | <b>384</b>        | <b>960,000,000</b>      |
| 1   | Lốp 295/75 R22.5 16PR CA663D TL 146/143K GS851 RBD      | 1                 |                         |
| 2   | Lốp 295/75 R22.5 16PR CA604A TL 146/143M GS611 RBD (HC) | 259               |                         |
| 3   | Lốp 295/75 R22.5 18PR CA604A TL 149/146M GS611 RBD (HC) | 117               |                         |
| 4   | Lốp 275/80 R22.5 16PR CA663D TL GS851 RBD               | 1                 |                         |
| 5   | Lốp 11 R22.5 18PR Secura ST1 TL 148/145M Ornet RBD      | 6                 |                         |
|     | <b>LÔ 7</b>                                             | <b>412</b>        | <b>1,590,000,000</b>    |
| 1   | Lốp 12.00 R24 20PR OR759XL TT 160/157K Ornet RBD        | 10                |                         |
| 2   | Lốp 12.00 R24 20PR CA662F TT 160/157K BS666 RBD         | 7                 |                         |
| 3   | Lốp 12.00 R24 20PR CA663F TT 160/157K BS883 RBD         | 4                 |                         |
| 4   | Lốp 12.00 R24 20PR ROCKSTAR PRO TT 160/157G RBD         | 13                |                         |
| 5   | Lốp 12.00 R24 20PR OR759XL TT 160/157K Ornet RBD        | 378               |                         |

vly





## PHỤ LỤC LỚP Ô TÔ KÉM PHẨM CHẤT XÍ NGHIỆP BÌNH DƯƠNG

| STT | TÊN SẢN PHẨM                                          | Số lượng<br>(Cái) | Giá khởi điểm<br>(Đồng) |
|-----|-------------------------------------------------------|-------------------|-------------------------|
|     | <b>LÔ 8</b>                                           | <b>161</b>        | <b>200,000,000</b>      |
| 1   | Lốp 7.00 R16 14PR CA662C TT 118/114L BS663 RBD        | 37                |                         |
| 2   | Lốp 7.00 R16 14PR CA604C TL 118/114L GS612 RBD (2015) | 23                |                         |
| 3   | Lốp 8.25 R16 16PR CA603A TT 128/124K BS631 RBD (2015) | 46                |                         |
| 4   | Lốp 8.25 R16 16PR CA603A TT 128/124K BS631 RBD (2016) | 1                 |                         |
| 5   | Lốp 12.00 R20 20PR CA663B TT 157/153F RS691 RBD       | 6                 |                         |
| 6   | Lốp 215/75 R17.5 14PR CA604G TL 126/124M GS623 RBD    | 18                |                         |
| 7   | Lốp 7.00 R16 14PR CA604C TL 118/114L GS612 RBD (2015) | 28                |                         |
| 8   | Lốp 11 R22.5 16PR CA663D TL 146/143K GS851 RBD        | 1                 |                         |
| 9   | Lốp 11 R22.5 16PR CA663D TL 148/145K GS851 RBD        | 1                 |                         |
|     | <b>LÔ 9</b>                                           | <b>736</b>        | <b>802,000,000</b>      |
| 1   | Lốp 145 R12C 8PR CA406T Milega RBD                    | 10                |                         |
| 2   | Lốp 165/65 R13 CA406A 77P RBD                         | 20                |                         |
| 3   | Lốp 165/80 R13 CA406B 83P RBD                         | 20                |                         |
| 4   | Lốp 195 R14C 8PR CA406F RBD                           | 35                |                         |
| 5   | Lốp 195/70 R14 8PR CA406D 91P RBD                     | 13                |                         |
| 6   | Lốp 215/75 R17.5 14PR CA604G TL 126/124M GS623 RBD    | 159               |                         |
| 7   | Lốp 215/75 R17.5 16PR AW3 TL 127/124L Xceed RBD       | 20                |                         |
| 8   | Lốp 215/75 R17.5 16PR CA604G TL 135/133L GS623 RBD    | 425               |                         |
| 9   | Lốp 235/75 R17.5 16PR CA662H BS668 TL 143/141M RBD    | 34                |                         |
|     | <b>LÔ 10</b>                                          | <b>185</b>        | <b>253,000,000</b>      |
| 1   | Lốp 5.00-10 12PR CA402B ĐN (trống TH xấp-dán)         | 26                |                         |
| 2   | Lốp 5.00-13 12PR CA402F ĐN                            | 11                |                         |
| 3   | Lốp 5.00-13 12PR CA402F ĐN                            | 18                |                         |
| 4   | Lốp 7.50-15 14PR CA411B 121/119J ĐN                   | 6                 |                         |
| 5   | Lốp 6.50-16 12PR CA402F 111/109J ĐN                   | 30                |                         |
| 6   | Lốp 6.00-16 12PR CA405C 111/109J ĐN                   | 42                |                         |
| 7   | Lốp 6.00-16 12PR CA405C 111/109J ĐN                   | 12                |                         |
| 8   | Lốp 12.00-20 20PR CA402G 150/148J KBB BL              | 19                |                         |
| 9   | Lốp 12.00-20 20PR CA402G 150/148J KBB BL              | 14                |                         |
| 10  | Lốp 12.00-20 20PR CA402M KBB BL (sâu gai 31mm)        | 6                 |                         |
| 11  | Lốp 11.00-20 20PR CA402G 149/146J KBB BL              | 1                 |                         |

*Handwritten signature*





## PHỤ LỤC LỚP Ô TÔ KÉM PHẨM CHẤT XÍ NGHIỆP ĐỒNG NAI

| STT | TÊN SẢN PHẨM                  | Số lượng<br>(Cái) | Giá khởi điểm<br>(Đồng) |
|-----|-------------------------------|-------------------|-------------------------|
|     | <b>LỚP 11</b>                 | <b>544</b>        | <b>139,000,000</b>      |
| 1   | Lớp 6.50-14 8PR CA402F ornet  | 179               |                         |
| 2   | Lớp 9.00-16 8PR CA405U ĐN     | 129               |                         |
| 3   | Lớp 6.00-14 12PR Texxan ĐN    | 6                 |                         |
| 4   | Lớp 6.50-14 8PR Texxan ĐN     | 135               |                         |
| 5   | Lớp 7.50-16 10PR CA402F       | 29                |                         |
| 6   | Lớp 7.50-16 10PR CA405C       | 48                |                         |
| 7   | Lớp 6.50-14 8PR CA402F Texxan | 18                |                         |

*Handwritten signature*